

## THẨM QUYỀN RIÊNG BIỆT CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI DƯỚI GÓC NHÌN SO SÁNH

**VŨ THỊ HƯƠNG\***

*Ngày nhận bài: 05/06/2019*

*Ngày phản biện: 09/07/2019*

*Ngày đăng bài: 01/10/2019*

### **Tóm tắt:**

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài phát sinh ngày càng nhiều kéo theo đó là các tranh chấp có yếu tố nước ngoài xảy ra ngày càng nhiều, với tính chất và mức độ ngày càng phức tạp. Đây là yếu tố khách quan đòi hỏi phải có cơ chế hữu hiệu về mặt pháp lý và những vấn đề liên quan đến thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên khi tham gia vào các quan hệ tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài tại các cơ quan tài phán của nước mình là vấn đề hết sức quan trọng và có ý nghĩa to lớn trong thời đại ngày nay. Khi giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài thường xảy ra xung đột về thẩm quyền hay xung đột pháp luật là điều không thể tránh khỏi của mỗi quốc gia. Các quy định về thẩm quyền của Tòa án đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài vẫn còn chứa đựng những bất cập, hạn chế. Trong bài viết này, tác giả sẽ phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về thẩm quyền riêng biệt của tòa án đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong tương quan so sánh với pháp luật một số quốc gia

### **Abstract:**

In the context of international economic integration today, civil relations with foreign factors are increasing, which is followed by increasing number of disputes with foreign elements with increasingly complex nature and level. This is an objective factor that requires a legally effective mechanism and issues related to the jurisdiction to resolve civil disputes with foreign elements to protect the legitimate rights and interests of the parties when participating in civil proceedings with foreign elements in the jurisdiction of their countries; it is a very an important and significant issue in this day and age. When dealing with civil cases with foreign elements, there are often conflicts on jurisdiction or conflict of law which is inevitable for each country. The provisions of the Court's jurisdiction over civil cases involving foreign elements still contain shortcomings and limitations. In this article, the author will analyze the provisions of Vietnamese law on the specific jurisdiction of courts with respect to civil cases involving foreign elements in comparison with the law of some countries in the world. From that, the

---

\* ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: vthuong@hul.edu.vn

trên thế giới. Từ đó, tác giả đưa ra một số định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề nêu trên.

author offers a number of orientations to improve the Vietnamese law on the above issues.

**Từ khóa:**

Thẩm quyền, dân sự, yếu tố nước ngoài, pháp luật, riêng biệt.

**Keywords:**

Jurisdiction, civil, foreign factors, laws, separate.

**1. Quy định của pháp luật Việt Nam về thẩm quyền riêng biệt của Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong tương quan so sánh**

Đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, mỗi quốc gia đều có những quy định riêng xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia. Nhưng nhìn chung, thẩm quyền xét xử các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Tòa án các nước được chia thành: thẩm quyền chung là thẩm quyền riêng biệt.

Thẩm quyền chung là thẩm quyền đối với những vụ việc mà Tòa án nước đó có quyền giải quyết nhưng Tòa án nước khác cũng có thể giải quyết (điều này tùy thuộc vào tư pháp quốc tế của các nước khác có quy định là Tòa án nước họ có thẩm quyền với những vụ việc như vậy hay không). Khi mà Tòa án nhiều nước đều có thẩm quyền giải quyết với một vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, thì quyền giải quyết thuộc về Tòa án nước nào phụ thuộc vào việc nộp đơn của các bên đương sự.

Thẩm quyền riêng biệt là trường hợp quốc gia nước sở tại tuyên bố chỉ có Tòa án nước họ mới có thẩm quyền đối với những vụ việc nhất định. Nếu Tòa án nước khác vẫn tiến hành giải quyết đối với những vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt thì bản án, quyết định được tuyên bố bởi Tòa án nước khác sẽ không được công nhận, cho thi hành tại quốc gia nước sở tại. Tương tự như vậy, thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài là những vụ việc mà chỉ có Tòa án Việt Nam mới có thẩm quyền giải quyết. Trên thế giới, nhiều nước có quy định thẩm quyền riêng biệt của Tòa án nước mình giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài với nhiều quy định khác nhau, nhưng hầu hết các nước đều quy định thẩm quyền giải quyết đối với tranh chấp bất động sản thuộc thẩm quyền riêng biệt. Thẩm quyền riêng biệt khác với thẩm quyền chung chủ yếu ở hai điểm: (1) Thẩm quyền riêng biệt chỉ quy định ở một số trường hợp cụ thể, còn thẩm quyền chung thì thường xác định theo các tiêu chí/dấu hiệu nhất định (quy định chung cho tất cả các trường hợp); (2) Thẩm quyền riêng biệt thể hiện ý chí của quốc gia có Tòa án dành riêng cho mình quyền giải quyết một số loại vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, còn thẩm quyền chung không mang tính bắt buộc và có thể có nhiều quốc gia cùng có thẩm quyền giải quyết. Do đó, nếu thuộc trường hợp thẩm quyền riêng biệt của Tòa án nước này mà Tòa án nước khác đưa ra giải quyết thì bản án, quyết định sẽ không được công nhận, cho thi hành tại Tòa án nước mà pháp luật nước đó quy định vụ việc đó thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án nước họ.

Đối với thẩm quyền riêng biệt đây là sự tuyên bố của pháp luật Việt Nam về các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài mà chỉ có Tòa án Việt Nam mới có thẩm quyền giải quyết. Thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam được quy định tại Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 470 quy định những vụ án dân sự có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết riêng biệt của Tòa án Việt Nam gồm 3 trường hợp:

*Thứ nhất*, vụ án dân sự đó có liên quan đến quyền đối với tài sản là bất động sản có trên lãnh thổ Việt Nam; Quy định này của Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với thông lệ quốc tế. Hầu hết pháp luật các quốc gia và các Điều ước quốc tế đều quy định những vụ án dân sự có liên quan đến bất động sản đều thuộc thẩm quyền riêng biệt của quốc gia nơi có bất động sản.

Theo pháp luật Nhật Bản thì Tòa án Nhật Bản có thể thực hiện thẩm quyền đối với các yêu cầu khởi kiện liên quan đến bất động sản đặt tại Nhật Bản. Đặc biệt, một khiếu nại liên quan đến việc đăng ký bất động sản tại Nhật Bản sẽ thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Nhật Bản<sup>1</sup>. Cũng tương tự như pháp luật các nước, Bộ luật Tố tụng Dân sự Liên bang Nga quy định các trường hợp Tòa án Liên bang Nga có thẩm quyền riêng biệt đối với các tranh chấp dân sự liên quan đến bất động sản nằm trên lãnh thổ của Liên bang Nga và nơi cư trú của các bên đương sự là trên lãnh thổ Liên bang Nga. Tại điểm 1 khoản 1 Điều 403 của Bộ luật quy định: “Vụ việc liên quan đến quyền đối với bất động sản nằm trên lãnh thổ Liên bang Nga” thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Liên bang Nga.

*Thứ hai*, vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch, nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam<sup>2</sup>.

Quy định này không được pháp luật tố tụng dân sự Nhật Bản và Trung Quốc ghi nhận thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án hai quốc gia này.

*Thứ ba*, vụ án dân sự khác mà các bên được lựa chọn Tòa án Việt Nam để giải quyết theo pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các bên đồng ý lựa chọn Tòa án Việt Nam.

Theo quy định tại khoản này thì chỉ khi các bên lựa chọn Tòa án Việt Nam thì Tòa án Việt Nam mới có thẩm quyền riêng biệt. Đây là điểm mới của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 so với quy định của Điều 411 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004. Việc sửa đổi, bổ sung điều này được thực hiện theo hướng những loại vụ việc dân sự mà các đương sự lựa chọn Tòa án nước ngoài, Trọng tài, bao gồm Trọng tài Việt Nam, Trọng tài nước ngoài để giải quyết tranh chấp thì không thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam nhằm đảm bảo quyền tự định đoạt của đương sự trong việc giải quyết tranh chấp.

---

<sup>1</sup> Koki Yanagisawa and Hiroki Aoki (2012), Amendment of the Code of Civil Procedure: A question of jurisdiction, <http://www.iflr.com/Article/3007237/Amendment-of-the-Code-of-CivilProcedure-A-question-of-jurisdiction.html>.

<sup>2</sup> Điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Quy định này của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo sự thống nhất đối với các văn bản chuyên biệt khác của Việt Nam khi quy định về thẩm quyền của Tòa án Việt Nam cũng như quyền thỏa thuận chọn Tòa án của các bên đương sự. Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 cũng có quy định về phương thức giải quyết tranh chấp. Tại Điều 339 quy định về giải quyết tranh chấp hàng hải có ít nhất một bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài có quy định: “i) Trường hợp hợp đồng có ít nhất một bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài thì các bên tham gia hợp đồng có thể thỏa thuận đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án ở nước ngoài; ii) Trường hợp các bên liên quan đến tranh chấp hàng hải đều là tổ chức, cá nhân nước ngoài và có thỏa thuận bằng văn bản giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài Việt Nam thì Trọng tài Việt Nam có quyền giải quyết đối với tranh chấp hàng hải đó, ngay cả khi nơi xảy ra tranh chấp ngoài lãnh thổ Việt Nam”.

Tại Điều 172 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 quy định:

Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vận chuyển hàng không quốc tế hành khách, hành lý, hàng hóa theo lựa chọn của người khởi kiện trong các trường hợp: Người vận chuyển có trụ sở chính hoặc địa điểm kinh doanh chính tại Việt Nam; Người vận chuyển có địa điểm kinh doanh và giao kết hợp đồng vận chuyển tại Việt Nam; Việt Nam là địa điểm đến của hành trình vận chuyển.

Đối với tranh chấp về thiệt hại xảy ra trong trường hợp hành khách bị chết hoặc bị thương thì ngoài, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong trường hợp hành khách có nơi cư trú chính và thường xuyên tại Việt Nam vào thời điểm xảy ra tai nạn, với điều kiện: i) Người vận chuyển có hoạt động khai thác vận chuyển hành khách trực tiếp bằng tàu bay của mình hoặc bằng tàu bay của người vận chuyển khác theo hợp đồng giao kết giữa những người vận chuyển về việc liên danh khai thác các chuyến bay vận chuyển hành khách; ii) Người vận chuyển sử dụng trụ sở của mình hoặc trụ sở của người vận chuyển khác có hợp đồng liên danh giao kết với mình để kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không tại Việt Nam.

Cũng tại Điều 14 Luật Đầu tư năm 2014 về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư quy định: Tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp không thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án.

Đối với tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoặc giữa nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế<sup>3</sup> thì chỉ được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức: Tòa án Việt

---

<sup>3</sup> Quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư năm 2014.



Nam; trọng tài Việt Nam; trọng tài nước ngoài; trọng tài quốc tế; trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập.

Đối với tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo hợp đồng hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác”.

Với các quy định nêu trên cho thấy, đương sự có quyền thỏa thuận lựa chọn Tòa án để giải quyết tranh chấp giữa các bên thuộc phạm vi các văn bản chuyên biệt này điều chỉnh. Đối với các tranh chấp về đầu tư, pháp luật Việt Nam không cho phép các bên được chọn Tòa án nước ngoài giải quyết.

Pháp luật Tổ tụng dân sự Trung Quốc<sup>4</sup> cũng có quy định những trường hợp thuộc thẩm quyền độc quyền của Tòa án nhân dân Trung Quốc là những tranh chấp phát sinh từ hợp đồng của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Điều 246 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự Trung Quốc một cách rõ ràng quy định rằng các Tòa án nhân dân Trung Quốc sẽ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện trong phạm vi Trung Quốc của hợp đồng liên doanh Trung Quốc-nước ngoài (vốn chủ sở hữu), hoặc liên doanh theo hợp đồng Trung Quốc - nước ngoài, hoặc thăm dò hợp tác Trung Quốc-nước ngoài và phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên<sup>5</sup>. Theo quy định tại Điều 242 Bộ luật Tổ tụng Dân sự Trung Quốc thì: i) Các bên chỉ có quyền thỏa thuận lựa chọn tòa án để giải quyết các tranh chấp về hợp đồng hoặc các tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, quyền và lợi ích khác có yếu tố nước ngoài; ii) Tòa án được lựa chọn phải có mối quan hệ với tranh chấp và chỉ được lựa chọn tòa án giải quyết ở cấp sơ thẩm; iii) Nếu Tòa án Trung Quốc được chọn thì việc lựa chọn Tòa án không được vi phạm các quy định về thẩm quyền theo cấp xét xử (ngạch) và thẩm quyền riêng biệt

Hội nghị La Hay cũng đã xây dựng công ước về thỏa thuận lựa chọn Tòa án, (Việt Nam chưa phải là thành viên của Công ước) trong đó quy định rất cụ thể về thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của các bên. Bộ luật Tổ tụng Dân sự Việt Nam năm 2015 xây dựng điểm c khoản 1 này cũng trên cơ sở tham khảo quy định tại Điều 3 và Điều 5 Công ước La Hay 2005 về thỏa thuận lựa chọn Tòa án. Tinh thần của quy định này là trong trường hợp mà các bên đã lựa chọn Tòa án Việt Nam để giải quyết nhưng một bên yêu cầu Tòa án nước ngoài, Trọng tài Việt Nam, Trọng tài nước ngoài giải quyết thì Tòa án nước ngoài hoặc Trọng tài phải từ chối thụ lý yêu cầu của đương sự.

---

<sup>4</sup> Bộ luật Tổ tụng Dân sự Trung Quốc ban hành ngày 09/4/1991, bản sửa đổi ngày 28/10/2007 chính thức có hiệu lực từ ngày 01/4/2008 bao gồm 28 chương, 268 điều luật. Trong đó, quyền tài phán của tòa án được quy định tại chương 2, gồm 3 phần: Phần 1 về thẩm quyền theo các cấp tòa án được quy định từ Điều 18 đến Điều 21; Phần 2 về thẩm quyền theo lãnh thổ được quy định từ Điều 22 đến Điều 35; Phần 3 về chuyển và chỉ định thẩm quyền xét xử được quy định từ Điều 36 đến Điều 39. Về thẩm quyền xét xử các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định tại chương XXIV từ Điều 241 đến Điều 244 của bộ luật<sup>4</sup>.

<sup>5</sup> Điều 244 Bộ luật Tổ tụng Dân sự Trung Quốc quy định: *tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng liên doanh vốn chủ sở hữu nước ngoài Trung Quốc, hoặc liên doanh theo hợp đồng Trung Quốc - nước ngoài, hoặc thăm dò hợp tác Trung Quốc-nước ngoài và phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đều thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.*

Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Bộ luật Tố tụng Dân sự Nhật Bản thì các bên có quyền thỏa thuận lựa chọn Tòa án của bất kỳ nước nào để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Thỏa thuận lựa chọn Tòa án phải được lập thành văn bản (trong trường hợp thông điệp dữ liệu không thể nhận biết được thì không được coi là thỏa thuận bằng văn bản và sẽ không có giá trị pháp lý). Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng Dân sự Nhật Bản còn quy định thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp (thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết vụ việc) cũng có hiệu lực hạn chế đối với hợp đồng tiêu dùng và hợp đồng lao động.

Thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng tiêu dùng theo tiểu tiết (i) điểm 5 khoản 7 Điều 3 Bộ luật Tố tụng Dân sự Nhật Bản, ngay cả khi một thương nhân đã ký kết một thỏa thuận với người tiêu dùng về thẩm quyền xét xử riêng biệt của Tòa án mà theo đó vụ kiện chỉ có thể được nộp đơn tới một Tòa án tại quốc gia nơi thương nhân đặt trụ sở, thì thỏa thuận này cũng bị hạn chế hiệu lực, cụ thể: Thỏa thuận này chỉ có hiệu lực khi Tòa án đã thỏa thuận là Tòa án của quốc gia nơi người tiêu dùng cư trú tại thời điểm ký kết hợp đồng tiêu dùng và thỏa thuận này không có hiệu lực độc quyền. Theo quy định nêu trên thì trong trường hợp người tiêu dùng đã đệ đơn khởi kiện tại Tòa án của một quốc gia khác với quốc gia đã thỏa thuận trong hợp đồng tiêu dùng, các thương nhân không thể đưa ra lập luận Tòa án này thiếu thẩm quyền xét xử do không phải là Tòa án được chọn tại thỏa thuận giữa các bên<sup>6</sup>.

Trong khi người sử dụng lao động có thể, khi chấm dứt hợp đồng lao động, tham gia vào một thỏa thuận với người lao động để hạn chế thẩm quyền xét xử đối với nơi người lao động làm việc vào cuối thời hạn sử dụng lao động, người lao động vẫn có quyền kiện người sử dụng lao động tại Tòa án khác và tất nhiên trong trường hợp này, người sử dụng lao động cũng không thể viện lý do các bên đã có thỏa thuận chọn Tòa án trong hợp đồng để phản đối thẩm quyền của Tòa án khác. Trong trường hợp này hiệu lực của quy định về lựa chọn Tòa án trong các hợp đồng lao động bị hạn chế<sup>7</sup>, chỉ trừ khi người lao động viện dẫn thỏa thuận chọn Tòa án hoặc người lao động đã khởi kiện tại Tòa án đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động<sup>8</sup>.

Singapore cũng vừa ban hành Đạo luật về Thỏa thuận lựa chọn Tòa án năm 2016, có hiệu lực từ ngày 1/10/2016 (sửa đổi và có hiệu lực từ 30/11/2017)<sup>9</sup>. Đạo luật này của Singapore có quy định rất cụ thể về thỏa thuận lựa chọn Tòa án. Tại Điều 3.2 phần 1 quy định: Việc thỏa

---

<sup>6</sup> Quy định này được dựa trên quan điểm rằng tại thời điểm ký kết hợp đồng tiêu dùng, hầu hết người tiêu dùng không chú ý tới điều khoản về thẩm quyền xét xử tranh chấp phát sinh từ hợp đồng và thậm chí nếu có chú ý, điều khoản này cũng gần như là không thể thương lượng. Vì vậy, có thể sẽ là không công bằng nếu buộc một người tiêu dùng phải nộp đơn khởi kiện tại Tòa án đã nêu trong thỏa thuận như vậy (Yoko Maeda (2011), New Law on International Civil Jurisdiction in Japan and its impact on foreign corporations, International Bar Association Legal practice division).

<sup>7</sup> Xem đoạn 6 khoản 7 Điều 3 Bộ luật Tố tụng Dân sự Nhật Bản 2011.

<sup>8</sup> Theo tiểu tiết ii điểm 6 Khoản 7 Điều 3 Bộ luật Tố tụng Dân sự Nhật Bản 2011.

<sup>9</sup> Choice of Court Agreements Act 2016 (No. 14 of 2016), <https://sso.agc.gov.sg/Acts-Supp/14-2016/Published/20160608?DocDate=20160608#legis>, truy cập ngày 15/3/2019.

thuận lựa chọn Tòa án giữa hai hoặc nhiều bên thỏa mãn các yêu cầu sau đây được coi là sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án độc quyền, trừ khi các bên thỏa thuận rõ ràng quy định khác.

Thỏa thuận được ký kết hoặc ghi lại bằng văn bản hoặc bằng bất cứ phương tiện giao tiếp nào khác có thể tiếp cận được và có thể được sử dụng để tham khảo sau này<sup>10</sup>.

Đạo luật về thỏa thuận lựa chọn Tòa án của Singapore cũng loại trừ một số vấn đề ra khỏi phạm vi áp dụng của Đạo luật như thỏa thuận lựa chọn Tòa án liên quan đến người tiêu dùng, liên quan đến người lao động và thỏa ước lao động tập thể...<sup>11</sup>. Ngoài ra, về thẩm quyền riêng biệt của Tòa án, một số quốc gia còn quy định Tòa án nước mình có thẩm quyền riêng biệt trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Ví dụ như theo BLTTDS Nhật Bản năm 2011, Tòa án Nhật Bản có thẩm quyền xét xử riêng biệt đối với các vụ việc liên quan đến các yêu cầu về sự tồn tại hoặc giá trị quyền sở hữu trí tuệ phát sinh khi đăng ký theo quy định của pháp luật Nhật Bản<sup>12</sup>. Theo đó, các vấn đề liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu trí tuệ tại Nhật Bản sẽ là thẩm quyền độc quyền của Tòa án Nhật Bản<sup>13</sup>.

Đối với loại vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 bao gồm các trường hợp sau: (i) Các yêu cầu không có tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật dân sự quy định tại khoản 1 Điều này; (ii) Yêu cầu xác định một sự kiện pháp lý xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam; (iii) Tuyên bố công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú tại Việt Nam bị mất tích, đã chết nếu việc tuyên bố đó có liên quan đến việc xác lập quyền, nghĩa vụ của họ trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; (iv) Tuyên bố người nước ngoài cư trú tại Việt Nam bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất năng lực hành vi dân sự nếu việc tuyên bố đó có liên quan đến việc xác lập quyền, nghĩa vụ của họ trên lãnh thổ Việt Nam; (v) Công nhận tài sản có trên lãnh thổ Việt Nam là vô chủ, công nhận quyền sở hữu của người đang quản lý đối với tài sản vô chủ trên lãnh thổ Việt Nam.

So với quy định tại khoản 2 Điều 411 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004 về những việc dân sự có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết riêng biệt của Tòa án Việt Nam thì quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 có nhiều sửa đổi nhằm giải quyết vướng mắc, bất cập của Điều khoản này như bổ sung trường hợp các yêu cầu không có tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật dân sự quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam (điểm a khoản 2 Điều 470).

---

<sup>10</sup> Xem thêm Điều 3.2 Phần 1 Đạo luật về thỏa thuận lựa chọn Tòa án của Singapore.

<sup>11</sup> Xem thêm mục 9 Phần 1 Đạo luật về thỏa thuận lựa chọn Tòa án của Singapore.

<sup>12</sup> Xem khoản 5 Điều 3 Bộ luật Tố tụng Dân sự Nhật Bản 2011.

<sup>13</sup> Koki Yanagisawa and Hiroki Aoki (2012), Amendment of the Code of Civil Procedure: A question of jurisdiction, <http://www.iflr.com/Article/3007237/Amendment-of-the-Code-of-CivilProcedure-A-question-of-jurisdiction.html>, truy cập ngày 10/5/2016.

Đối với trường hợp tuyên bố công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú tại Việt Nam bị mất tích, đã chết nếu việc tuyên bố đó có liên quan đến việc xác lập quyền, nghĩa vụ của họ trên lãnh thổ Việt Nam, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 bổ sung quy định ngoại lệ theo hướng loại vụ việc này sẽ không thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác (điểm c khoản 2 Điều 470). Quy định này được bổ sung nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi quy định tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết thuộc thẩm quyền của cơ quan tư pháp của nước ký kết mà người đó là công dân khi người đó còn sống trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

## **2. Một số hạn chế của pháp luật Việt Nam về thẩm quyền riêng biệt**

*Thứ nhất*, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án ly hôn giữa một bên là công dân Việt Nam với một bên là với công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch, nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở Việt Nam thì thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam. Quy định nêu trên còn có điểm chưa hợp lý. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tại khoản 5 Điều 3 “kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn” và khoản 14 Điều 3 quy định “Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án”.

Theo khoản 2 Điều 7 Luật Hộ tịch năm 2014, thẩm quyền đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (trong trường hợp kết hôn giữa công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới với công dân nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam thì theo khoản 1 Điều 7 Luật Hộ tịch thẩm quyền thuộc về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của công dân Việt Nam).

Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; giữa công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau; giữa công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với công dân Việt Nam hoặc với người nước ngoài. Đối với trường hợp người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, có yêu cầu đăng ký kết hôn tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên thực hiện đăng ký kết hôn<sup>14</sup>.

Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (Đại sứ quán, lãnh sự quán) có thẩm quyền đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau ở nước ngoài hoặc với người nước ngoài<sup>15</sup>.

Như vậy, theo quy định của pháp luật Việt Nam cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài là Ủy ban nhân dân cấp huyện (cấp xã nếu thường trú ở khu vực biên

---

<sup>14</sup> Điều 37 Luật Hộ tịch 2014.

<sup>15</sup> Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch.

giới) và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài. Đây là những cơ quan nhà nước thực hiện thẩm quyền theo quy định của pháp luật và tất nhiên hoạt động của nó mang tính chất quyền lực nhà nước.

Quan hệ hôn nhân được xác lập từ việc đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì việc chấm dứt quan hệ hôn nhân có đăng ký đó cũng thuộc thẩm quyền của Việt Nam. Theo nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia thì các quốc gia khác không thể đình chỉ hiệu lực của Giấy chứng nhận kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, và cũng không thể chấm dứt quan hệ hôn nhân đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Ngược lại, Việt Nam cũng không thể chấm dứt quan hệ hôn nhân (thậm chí, dù có một bên là công dân Việt Nam) đã được xác lập theo quy định của pháp luật nước ngoài về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài. Trừ trường hợp, Việt Nam và quốc gia có liên quan ký kết Điều ước quốc tế, trong đó quy định cơ quan có thẩm quyền (Tòa án) của quốc gia ký kết có thẩm quyền giải quyết việc chấm dứt quan hệ hôn nhân đã được xác lập theo quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của quốc gia ký kết kia.

*Thứ hai*, đối với quy định về quyền thỏa thuận lựa chọn Tòa án cũng đã được ghi nhận trong Bộ luật Tố tụng Dân sự. Theo đó, pháp luật Tố tụng dân sự Việt Nam quy định về trường hợp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam nếu các bên có thỏa thuận tại điểm c khoản 1 Điều 470 và trường hợp trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài trong trường hợp đã có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận lựa chọn Tòa án nước ngoài giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 472 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 lại chỉ theo hướng các bên lựa chọn Tòa án Việt Nam: “Vụ án dân sự khác mà các bên được lựa chọn Tòa án Việt Nam để giải quyết theo pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các bên đồng ý lựa chọn Tòa án Việt Nam”. Pháp luật Việt Nam không quy định theo hướng các bên được quyền thỏa thuận lựa chọn Tòa án nước ngoài để giải quyết vụ việc và thẩm quyền lựa chọn Tòa án nước ngoài là riêng biệt giống như quy định của Công ước La Hay năm 2005 hoặc pháp luật của một số nước như Singapore và Nhật Bản. Ngoài ra, quy định này còn chưa quy định về hình thức của thỏa thuận lựa chọn Tòa án và cũng chưa quy định về hạn chế hiệu lực của thỏa thuận lựa chọn Tòa án trong hợp đồng tiêu dùng và hợp đồng lao động. Theo đó, đối với trường hợp lựa chọn Tòa án, cũng cần quy định cụ thể về hình thức của thỏa thuận lựa chọn Tòa án giữa các bên. Thiết nghĩ, nên quy định thỏa thuận lựa chọn Tòa án để giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài phải được lập thành văn bản hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương. Cũng cần hạn chế hiệu lực của quy định về lựa chọn Tòa án trong các hợp đồng lao động và hợp đồng tiêu dùng, theo hướng người lao động, người tiêu dùng vẫn có thể khởi kiện người sử dụng lao động, thương nhân bán hàng ra Tòa án của quốc gia khác với Tòa án thỏa thuận trong hợp đồng chỉ trừ trường hợp người tiêu dùng, người lao động

viện dẫn thỏa thuận hoặc đã khởi kiện tại Tòa án đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngoài ra, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 chỉ quy định thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam khi các bên có thỏa thuận lựa chọn Tòa án Việt Nam. Bộ luật Tố tụng Dân sự còn chưa có quy định về hình thức và thời điểm thỏa thuận lựa chọn Tòa án để xác định thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam.

*Thứ ba*, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 còn bỏ ngỏ quy định về thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 có quy định nội dung quản lý nhà nước về Sở hữu trí tuệ, trong đó có việc cấp và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp (gồm Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý), Bằng bảo hộ giống cây trồng. Theo quy định tại các Điều 53, Điều 93 và Điều 169 của Luật này thì những giấy chứng nhận, bằng bảo hộ này có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, những vụ việc có yếu tố nước ngoài liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ phải đăng ký ở Việt Nam Bộ luật Tố tụng Dân sự chưa quy định Tòa án của Việt Nam có thẩm quyền riêng biệt.

*Thứ tư*, còn chưa có sự thống nhất giữa quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản luật khác như Điều 14 Luật Đầu tư 2014, tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam, mặc dù điều luật không rõ nhưng có thể xác định là thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam nhưng trường hợp này lại không được quy định trong khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 dẫn đến khó khăn trong giải quyết tranh chấp.

*Thứ năm*, các vụ việc liên quan đến người tiêu dùng và người lao động chưa được ghi nhận cụ thể tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong BLTTDS năm 2015. Để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên được coi là “yếu thế” hơn trong các vụ việc liên quan đến Hợp đồng tiêu dùng và hợp đồng lao động.

### **3. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thẩm quyền riêng biệt của Tòa án**

Từ các phân tích nêu trên cho thấy mặc dù pháp luật Việt Nam đã có những quy định mới khắc phục phần nào bất cập trong việc xác định thẩm quyền về thẩm quyền xét xử các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Tòa án. Tuy nhiên, các quy định này vẫn còn những điểm bất cập, hạn chế cần có những sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện pháp luật, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

*Thứ nhất*, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần được bổ sung như sau: “Vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch, nếu việc kết hôn được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt

Nam và có hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống ở Việt Nam”. Hoặc “Vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch nếu cả hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống ở Việt Nam và không có tranh chấp về tài sản ở nước ngoài”.

*Thứ hai*, quyền lựa chọn Tòa án của các bên cần được quy định trong Bộ luật Tố tụng Dân sự theo hướng đây là những quy định mang tính nguyên tắc chung, làm cơ sở chung cho những vấn đề phát sinh trong tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài. Những văn bản pháp luật chuyên ngành khác sẽ quy định cụ thể phù hợp với lĩnh vực mình dựa trên những nguyên tắc chung trong Bộ luật Tố tụng Dân sự để đảm bảo tính đồng bộ. Nên bổ sung một quy định trong Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền lựa chọn Tòa án theo hướng:

*“Các bên được quyền thỏa thuận lựa chọn tòa án nước ngoài để giải quyết tranh chấp nếu tranh chấp thuộc thẩm quyền chung nhưng không thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp liên quan đến các hợp đồng tiêu dùng, hợp đồng lao động.*

*Thỏa thuận lựa chọn tòa án phải được lập thành văn bản hoặc các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương.*

*Các bên có thể thỏa thuận lựa chọn tòa án trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp”.*

*Thứ ba*, tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cũng cần quy định thêm một điểm mới, đó là: “... d. Tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ phải được đăng ký ở Việt Nam như Bằng độc quyền sáng chế, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu hàng hóa...” thì thuộc trường hợp thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam.

*Thứ tư*, phải có sự thống nhất giữa Bộ luật Tố tụng Dân sự và các văn bản luật khác như Điều 14 Luật Đầu tư 2014. Vì vậy, Điều 470 cần bổ sung thêm trường hợp “Vụ án dân sự đó liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam” là cần thiết, có tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết những tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

*Thứ năm*, cần bổ sung vào Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trường hợp liên quan đến người tiêu dùng và người lao động theo hướng Tòa án nước ngoài được lựa chọn giải quyết tranh chấp nhưng nếu người tiêu dùng (trong hợp đồng tiêu dùng) hoặc người lao động (trong hợp đồng lao động) lại nộp đơn yêu cầu Tòa án Việt Nam giải quyết thì Tòa án Việt Nam vẫn có thẩm quyền giải quyết.

#### **4. Kết luận**

Xác định thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài thực sự cần thiết trong bối cảnh hội nhập của Việt Nam hiện nay. Để đảm bảo lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cũng như tạo một hành lang pháp lý an toàn, vững chắc, hiệu quả yêu cầu đặt ra là chúng ta cần hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài để có hành lang pháp lý vững chắc tạo một cơ chế giải quyết tranh chấp chặt chẽ, đáp ứng được yêu cầu của quá trình hội nhập.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật Tố tụng Dân sự Trung Quốc năm 1991 (sửa đổi, bổ sung năm 2007).
2. Civil procedure in japan (Bộ luật Tố tụng Dân sự Nhật Bản, sửa đổi, bổ sung năm 2011).
3. Choice of Court Agreements Act 2016 (No. 14 of 2016), <https://sso.agc.gov.sg/Acts-Supp/14-2016/Published/20160608?DocDate=20160608#legis>, truy cập ngày 15/3/2019.
4. Koki Yanagisawa and Hiroki Aoki (2012), Amendment of the Code of Civil Procedure: A question of jurisdiction, <http://www.iflr.com/Article/3007237/Amendment-of-the-Code-of-CivilProcedure-A-question-of-jurisdiction.html> (truy cập ngày 21/3/2019).
5. Yoko Maeda (2011), New Law on International Civil Jurisdiction in Japan and its impact on foreign corporations, International Bar Association Legal practice division.
6. Huanfang DU (2009), “*An Overview of Choice of Jurisdiction and Law of Foreign-related Cases in China*”, Journal of Cambridge Studies.
7. Mo Zhang (2002), “*International civil litigation in China: A Practical analysis of the Chinese judicial system*”, Boston College International and Comparative Law Review.